

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thủy Trang – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương – Kiểm Sát Viên

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 621/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đồng Thị Thanh P, sinh năm 1970;

Địa chỉ: 27/16 Đường số H, Phường 16, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lý Kế V, sinh năm 1966;

Địa chỉ: 309 lô C chung cư NTT, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Đồng Thị Thanh P trình bày:

Bà P và ông Lý Kế V tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn ngày 05/07/2002 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65 quyển số 01). Cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn về bất đồng quan điểm trong cuộc sống, về cách nuôi dạy con cái, khó khăn về kinh tế nên tình cảm hai bên không còn như trước. Bà P đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn của hai vợ chồng nhưng không thành. Nay bà P nhận thấy tình cảm đối với ông Việt

không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Việt.

Về con chung: Có 01 con chung là Lý Thục D, sinh ngày 28/05/2003 (Đã thành niên).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lý Kế V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Bà P, ông Việt vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của bà P, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:*

Nguyên đơn bà P khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông Việt nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bị đơn ông Việt có địa chỉ tại 309 lô C chung cư NTT, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 24/08/2022, bà P đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn không có sự tham gia của bà. Bị đơn ông Việt vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về nội dung:* Căn cứ Giấy đăng ký kết hôn số 65 ngày 05/7/2002 của Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (quyển số

01/2002) nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông Việt là hôn nhân hợp pháp.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[5] Tại bản trình bày ý kiến của cháu Lý Thục D là con ruột của bà P, ông Việt cho biết tình cảm giữa hai bên không còn, không thể hàn gắn, gia đình chỉ trên danh nghĩa.

[6] Lời trình bày của bà P là phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ về việc bà P và ông Việt đã không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài.

[7] Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Việt đến Tòa án để tham gia buổi hòa giải đoàn tụ nhưng ông Việt vắng mặt, không tham dự. Việc vắng mặt của ông Việt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ly hôn cho thấy ông Việt không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà P, không muốn đến Tòa để được hòa giải đoàn tụ.

[8] Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*

[9] Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định lời trình bày của bà P về mâu thuẫn vợ chồng là có thật, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông Việt.

[10] Về con chung: 01 người con chung là Lý Thục D, sinh ngày 28/5/2003, đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] Về tài sản và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Về hôn nhân: Bà Đồng Thị Thanh P được ly hôn với ông Lý Kế V.

1.2. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đồng Thị Thanh P phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006677 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Bà Đồng Thị Thanh P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đồng Thị Thanh P, ông Lý Kế V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- UBND P.1, Q.3.
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Anh